TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:63/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 17 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1475/2018/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Nguyễn Trần T T**, sinh năm: 1987

HKTT: Số 6, đường 17, ấp 2, xã BH, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 87 Đường số 9, Khu dân cư HL, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Nguyễn N D**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 6, đường 17, ấp 2, xã BH, huyện BC, TP. Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 01 năm 2019 các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trần T T và ông Nguyễn N D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Trần T T và ông Nguyễn N D xác định ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Trần T B, sinh ngày 12/5/2018 (giới tính: Nam). Hiện nay trẻ T B đang sống với bà T. Bà T và ông D thống nhất thỏa

thuận giao trẻ T B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn N D đến khi có đơn yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Trần T T và ông Nguyễn N D cùng chịu lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Trần T T và ông Nguyễn N D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Trần T T và ông Nguyễn N D (đăng ký ngày 09/3/2018) không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Trần T T được quyền tiếp tục nuôi trẻ Nguyễn Trần T B, sinh ngày 12/5/2018 (giới tính: Nam). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn N D đến khi có đơn yêu cầu.

Ông Nguyễn N D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Trần T T và ông Nguyễn N D xác nhận không có, do đó Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Trần T T và ông Nguyễn N D chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Trần T T và ông Nguyễn N D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006496 ngày

17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Trâm và ông Duy đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường 10, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ôn Kim Chi